TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2020/HSST Ngày: 21 - 2 - 2020.	*Đan Phượng, ngày 21 tháng 2 năm 2020*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Tạ Văn Nhật

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Đ, Thành phố Hà Nội* ***tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 2 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn N, sinh năm 1983 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 4, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Duy N (Lê Văn N, đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Ngày 19/12/2014, bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2016. Ngày 16/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/11/2018; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/11/2009, bị Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/8/2019 đến ngày 27/8/2019 tại ngoại, sau đó tiếp tục bị tạm giữ, tạm giam từ ngày

09/10/2019 đến nay; danh bản, chỉ bản số 286 lập ngày 19/8/2019 và số 324 lập ngày 13/10/2019 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo có mặt.

2. Trần L, sinh năm 1964 tại huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Trần Nhâm (đã chết) và bà Nguyễn Thị Con (đã chết); có vợ và có 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/9/2007, bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong bản án ngày 19/4/2008; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không; danh bản, chỉ bản số 336 lập ngày 01/11/2019 của Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội; bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Bị hại:*

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Chị Dương Thị P, sinh năm 2001; địa chỉ: Cụm 7, thôn Đ, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Cụm 3, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Trần Văn C, sinh năm 1993; địa chỉ: Cụm 6, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Dương Quang T, sinh năm 1968; địa chỉ: Cụm 7, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Quốc V, sinh năm 1964; địa chỉ: Cụm 2, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/8/2019, Lê Văn N ở Cụm 4, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội mang vam phá khoá đi bộ từ bến xe thị trấn Phùng đến xã H để trộm cắp xe máy. Khi đi qua khu vực xóm Chùa thuộc Cụm 4, xã H, huyện

Đan Phượng thì thấy chiếc xe máy Honda Lead, biển số 29X3-301.75 của chị Nguyễn Thị T ở Cụm 3, xã H đang dựng trong ngõ, không có người trông coi nên Nam nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy trên. Nam dắt lùi xe một đoạn rồi ngồi lên xe dùng vam phá ổ khoá thì bị người dân phát hiện, truy đuổi nên Nam bỏ chạy và vứt bộ vam phá khoá vào sân vườn chùa Giác Hải thuộc Cụm 4, xã H nhưng bị bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐ ngày 23/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đan Phượng, kết luận chiếc xe máy Honda Lead, biển số 29X3-301.75 của chị Nguyễn Thị T có giá trị 27.000.000 đồng.

Quá trình đang điều tra vụ án nêu trên, Lê Văn N lại tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08h, ngày 07/10/2019, Nguyễn Quốc K, sinh năm 1988 ở thôn Đông Khê, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, điều khiển xe máy chở Nam đi uống thuốc Methadone ở Trạm y tế xã Tân Lập về đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng thuộc địa phận Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng thì phát hiện trước cửa hàng Spa Queen có chiếc xe máy Honda Wave, biển số 29V3-249.94 của chị Dương Thị P ở Cụm 7, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội là nhân viên của cửa hàng. Do không có người trông giữ nên Nam bảo K đến quán nước ven đường mương Đan Hoài ngồi đợi còn Nam đi xuống dùng vam mở khoá và điều khiển xe đến nhà ông Trần Quốc V, sinh năm 1964 ở Cụm 2, xã T, huyện Đan Phượng, là chú rể của Nam gửi. Sau đó, Nam bắt xe đến quán nước gặp K.

Đến sáng ngày 08/10/2019, Nam đến nhà ông V dắt chiếc xe của chị Phượng vào bếp tháo biển số xe, rồi đem đi vứt xuống lòng sông Hồng thuộc khu vực bên đò Chu Phan, xã T, huyện Đan Phượng. Sau đó, Nam quay lại tháo rời từng bộ phận của xe để lắp vào chiếc xe máy của Nam. Công an huyện Đan Phượng đã phát hiện và thu giữ tang vật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐ ngày 15/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đan Phượng, kết luận chiếc xe máy Honda Wave, biển số 29V3-249.94 của chị Dương Thị P có giá trị 14.100.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ cũng trong ngày 07/10/2019, sau khi Nam đến gặp K ở quán nước thì nhờ K đưa về nhà. Khi K điều khiển xe chở Nam qua trước cửa nhà anh T ở Thôn 7, xã T, huyện Đan Phượng thì Nam phát hiện chiếc xe máy Honda Wave, biển số 29X3-208.83 của anh T để đối diện trước cổng nhà, không rút chìa khoá ổ điện, không có người trông giữ nên bảo K đi về, còn Nam đi xuống mở khoá điện và điều khiển xe đi đến nhà Trần L, sinh năm 1964 ở Thôn C, xã D, huyện H, Thành phố Hà Nội để bán xe. Nam trao đổi với Lĩnh "cháu vừa nhảy được chiếc xe, chú có mua không?". Lĩnh hiểu Nam vừa trộm cắp xe và do đang cần phương tiện làm xe kéo nên đồng ý mua chiếc xe máy trên với giá 3.200.000 đồng. Sau đó, Lĩnh tháo dời các bộ phận xe, dùng máy chà bỏ số máy của

xe và vứt bỏ biển số xe tại bãi rác gần nhà mục đích để tránh bị phát hiện. Công an huyện Đan Phượng đã thu giữ toàn bộ bộ phận của chiếc xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐ ngày 15/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đan Phượng, kết luận chiếc xe máy Honda Wave, biển số 29X3-208.83 của anh T có giá trị 16.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn N khai nhận số tiền bán xe nêu trên đã chi tiêu cá nhân cho bản thân hết 1.500.000 đồng. Đối với các bộ vam phá khoá đều do Nam tự làm và mang theo người mục đích để trộm cắp tài sản. Ngày 09/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Văn N.

Bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-ĐP ngày 21 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố Lê Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Trần L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N khai nhận do muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên bị cáo đã tự chế ra những chiếc vam phá khóa và thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của người khác như nội dung đã nêu trên. Bị cáo Trần L cũng thừa nhận biết chiếc xe máy Lê Văn N mang đến bán cho mình là xe do trộm cắp mà có nhưng Lĩnh vẫn mua chiếc xe này đối với Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố Lê Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" và Trần L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nam từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 32; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lĩnh từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Về trách nhiệm dân sự, tài sản của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thu hồi và trả lại, những người trên không có yêu cầu gì nên không phải giải quyết. Xử lý vật chứng, tịch thu tiêu hủy 03 chiếc Vam tự chế; tịch thu số tiền 1.700.000 đồng thu giữ của bị cáo và buộc bị cáo nộp số tiền 1.500.000 đồng do hưởng lợi bất chính để sung vào Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn N và Trần L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai của các bị hại và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/8/2019, Lê Văn N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc chiếc xe máy Honda Lead, biển số 29X3-301.75 có giá trị 27.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T ở Cụm 4, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Hành vi của Nam bị phát hiện và bị bắt giữ, Công an huyện Đan Phượng khởi tố Lê Văn N về tội Trộm cắp tài sản. Sau đó, trong thời gian được Cơ quan điều tra cho tại ngoại, đến ngày 07/10/2019 thì Nam tiếp tục hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

+ Khoảng 8 giờ ngày 07/10/2019, tại khu vực cửa hàng Spa Queen thuộc thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Lê Văn N trộm cắp của chị Dương Thị P chiếc xe máy Honda Wave, biển số 29V3-249.94 có giá trị 14.100.000 đồng.

+ Khoảng 13 giờ ngày 7/10/2019, Lê Văn N trộm cắp của anh T tại Thôn 7, xã T, huyện Đan Phượng chiếc xe máy Honda Wave, biển số 29X3-208.83 có giá trị 16.000.000 đồng. Sau đó, Nam điều khiển xe máy đi đến nhà Trần L để bán với giá 3.200.000 đồng.

Như vậy, trong 02 ngày 18/8/2019 và 07/10/2019, Lê Văn N đã thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá là 57.100.000 đồng trong đó có 01 vụ bán tài sản trộm cắp cho Trần L. Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã hai lần ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về hành vi trộm cắp tài sản đối với Nam, đến ngày 15/11/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định nhập vụ án hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Văn N dùng thủ đoạn lén lút để chiếm đoạt tài sản là những chiếc xe máy của các bị hại, mục đích đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Lê Văn N đã có hai tiền án, thuộc trường hợp tái phạm chưa được xóa án, nay lại phạm tội chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá là 57.100.000 đồng nên hành vi của bị cáo Nam phạm tội chiếm đoạt tài sản có trị giá trên 50 triệu đồng, tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt theo qui định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần L khi Nam trộm cắp được chiếc xe máy Honda Wave, biển số 29X3-208.83 có trị giá 16.000.000 đồng và mang đến bán cho Lĩnh, Nam có nói cho Lĩnh biết là xe do trộm cắp mà có được nhưng Lĩnh vẫn mua chiếc xe này đối với Nam. Hành vi của bị cáo Lĩnh đủ các yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo

qui định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều vì lòng tham nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo Lê Văn N về nhân thân là xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử và áp dụng hình phạt tù nhưng không có ý thức sửa chữa sai phạm nay lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo thực hiện ba lần hành vi trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội từ hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, đối với bị cáo cần có hình phạt nghiêm, bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội để cải tạo và giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử cũng xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt đều đã được thu hồi trả lại cho các bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Bị cáo Trần L bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử và áp dụng hình phạt tù nhưng thời gian bị cáo vi phạm đã lâu, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi để trả lại cho bị hại, bản thân bị cáo là người ốm đau, bệnh tật và gia đình có khó khăn. Xét bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú để bị cáo có điều kiện sửa chữa sai phạm, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét bị cáo Lê Văn N và Trần L đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không có điều kiện về kinh tế để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo qui định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Quốc K là người chở Lê Văn N đến khu vực quán Spa Qeen và khu vực nhà anh T vào ngày 07/10/2019, ông Trần Quốc V là người cho Nam gửi nhờ chiếc xe máy do trộm cắp, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã làm rõ K không biết việc Nam đến địa điểm trên để trộm cắp tài sản và ông V không biết chiếc xe máy là do Nam trộm cắp nên không có căn cứ xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy Honda Lead, biển số 29X3-301.75 do chị Nguyễn Thị T giao nộp; thu giữ tại gia đình ông Trần Quốc V các bộ phận của chiếc xe máy Honda

Wave, biển số 29V3-249.94 của chị Dương Thị P; thu giữ tại nhà Trần L các bộ phận của chiếc xe máy Honda Wave, biển số 29X3-208.83 của anh T. Xét thấy những chiếc xe máy trên là tài sản hợp pháp của chị T, chị Phượng và anh T, sau khi tiến hành định giá Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị hại là đúng qui định pháp luật.

Bị hại là chị Nguyễn Thị T, chị Dương Thị P, anh T đã nhận được xe máy và đều không có yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T, anh Trần Văn C và anh Dương Quang T đều không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ 01 bộ vam phá khoá do Lê Văn N vứt tại sân chùa Hải Giác thuộc Cụm 4, xã H, huyện Đan Phượng, gồm có 01 vam phá khoá tự chế, trên thân có chữ STANDARD®PHZ và 01 tay công hình chữ L, trên thân có chữ BMBOSSMan; khi tiến hành bắt giữ khẩn cấp đối với Lê Văn N, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 1.700.000 đồng là số tiền bán xe còn lại của Nam và 02 chiếc vam phá khoá bằng kim loại có kích thước dài 6cm, 01 tay công bằng kim loại hình chữ L có kích thước 12cm, rộng 5cm.

Các vật chứng là những chiếc Vam phá khóa tự chế do bị cáo Nam sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền bị cáo Nam bán chiếc máy Honda Wave, biển số 29X3-208.83 trộm cắp của anh T và mang đến bán cho Trần L lấy 3.200.000 đồng, Nam đã chi tiêu cá nhân hết 1.500.000 đồng, còn lại 1.700.000 đồng, xét đây là tiền liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.700.000 đồng đã thu giữ đối với Nam và đồng thời buộc bị cáo Nam nộpn sô tiền 1.500.000 đồng do hưởng lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Án phí: Các bị cáo Lê Văn N và Trần L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 42 (Bốn mươi hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 09/10/2019, bị cáo Lê Văn N được trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 18/8/2019 đến ngày 27/8/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần L 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Giao bị cáo Trần L cho Ủy ban nhân dân xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được trả lại tài sản, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

Buộc Lê Văn N nộp số tiền 1.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc vam phá khoá tự chế, trên thân có chữ STANDARD®PHZ; 01 tay công hình chữ L, trên thân có chữ BMBOSSMan; 02 chiếc vam phá khoá bằng kim loại, có kích thước dài 6cm và 01 tay công bằng kim loại hình chữ L có kích thước 12cm, rộng 5cm.

Tích thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.700.000 đồng thu giữ đối với Lê Văn N (Vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng quản lý, theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đan Phượng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội ngày 06/2/2020. Số tiền đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyên Đan Phượng theo Ủy nhiệm chi nhayg 11/2/2020 của Kho bạc Nhà nước huyện Đ, Thành phố Hà Nội).

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Văn N và Trần L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Lê Văn N và Trần L, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CQTHAHS, CA huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Bị cáo, bị hại.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Văn Tuyến